

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN TOÁN
Năm học 2024-2025
Thời gian làm bài 90 phút

- A. KHUNG MẠ TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)						Tổng % điểm (12)		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng			Vận dụng cao	
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL		TNK Q	TL
1	Số tự nhiên (27 tiết)	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên (5 tiết)			1 0,25						2,5%
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên (10 tiết)					1 0,75				7,5%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung (12 tiết)	1 0,25						1 0,75		10%

2	Chủ đề : Số nguyên (17 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên (5 tiết)	1 0,25		2 0,5	2 1						17,5%
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên (12 tiết)	2 0,5	2 1				3 1,5				30 %
3	Một số hình phẳng trong thực tiễn (13 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều (3 tiết)			1 0,25							2,5%
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân (10 tiết)			1 0,25	2 1						12,5%
4	Tính đối xứng của hình phẳng trong thực tiễn (7 tiết)	Hình có trục đối xứng (2 tiết)	1 0,5									5%
		Hình có tâm đối xứng (2 tiết)		1 0,5								5%
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên (3 tiết)	3 0,75									7,5%
Tổng			7 1,75	4 2,0	5 1,25	4 2		4 2,25		1 0,75	25 10	
Tỉ lệ %			37,5%		32,5%			22,5%		7,5%		100
Tỉ lệ chung			70%					30%				100

B. BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN CUỐI KÌ I -LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

Chủ đề 1 Số tự nhiên (26 tiết)	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên (4 tiết)	Thông hiểu: – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. Vận dụng: – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp.			
	Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên (10 tiết)	Nhận biết: – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.			1 (TL) 0,75
		Vận dụng cao: – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính.			
	Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.	1 (TN)		

		chung và bội chung (12 tiết)	- Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. - Nhận biết được phân số tối giản.					
			Vận dụng - Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất. - Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).			1 0,75		
			Vận dụng cao: Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>).					
		Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên (5 tiết)	Nhận biết: - Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. - Nhận biết được số đối của một số nguyên. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. - Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.	1 TN				
		Chủ đề Số nguyên (18 tiết)	Thông hiểu: - Biểu diễn được số nguyên trên trục số. - So sánh được hai số nguyên cho trước.		2TN 2TL 1			
			Nhận biết :	2TN				

		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên (13 tiết)	– Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...). Vận dụng cao: – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên.	2TL 1			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (13 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều (3 tiết)	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. Thông hiểu: – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). Vận dụng – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.		1 (TN)		3TL 1,5

		(3 tiết)	– Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).					
	Tổng			11	9	4	1	
	Tỉ lệ %			37,5	32,5	22,5	7,5	
	Tỉ lệ chung			70		30		

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Một số viết dưới dạng tổng các chữ số là: $8 \cdot 10\,000 + 9 \cdot 100 + 2 \cdot 10$. Số đó là số nào?

- A. 89 020 B. 89 200 C. 80 902 D. 80 920

Câu 2. Số nào trong các số sau là hợp số:

- A. 25; B. 3; C. 2; D. 19.

Câu 3. Số đối của số (-31) là:

- A. -31 ; B. 31; C. -30 ; D. 0.

Câu 4. Tìm các số nguyên x thỏa mãn $-5 < x < 7$. Có bao nhiêu số nguyên như vậy?

- A. 6; B. 7; C. 11; D. 13.

Câu 5. Trong các số nguyên -375 ; -400 ; -12 ; -199 số lớn nhất là:

- A. -375 ; B. -400 ; C. -12 ; D. -199 .

Câu 6. Tập hợp tất cả các ước của 5 là:

- A. $\{-1; 1\}$ B. $\{-5; 5\}$ C. $\{1; 5\}$ D. $\{-1; 1; -5; 5\}$

Câu 7. Trong các số sau số nào là bội của 9:

- A. 3; B. 1; C. -18 ; D. -3 .

Câu 8. Phát biểu nào dưới đây là **sai**?

A. Nếu tam giác MNP có $MN = NP$ thì tam giác MNP là tam giác đều.

B. Nếu tam giác MNP có góc M bằng góc N bằng góc P bằng 60° thì tam giác MNP là tam giác đều.

C. Nếu tam giác MNP có $MN = NP = PQ$ thì tam giác MNP đều.

D. Nếu tam giác MNP có $NP = PQ$ thì chưa chắc tam giác MNP đã là tam giác đều.

Câu 9. Hình thoi ABCD có độ dài hai đường chéo lần lượt là 5cm và 4cm. Diện tích hình thoi ABCD là:

- A. 20cm^2 ; B. 18cm^2 ; C. 10cm ; D. 10cm^2 .

Câu 10. Trong các biểu tượng sau, biểu tượng nào có trục đối xứng?



Biểu tượng
Hòa bình



Biểu tượng
Hội Chữ thập đỏ



Biểu tượng
ngành Y Dược

A. Biểu tượng Hòa bình và biểu tượng Hội chữ thập đỏ;

B. Biểu tượng Hội chữ thập đỏ và biểu tượng ngành Y dược;

C. Biểu tượng ngành Y dược và biểu tượng hòa bình;

D. Cả ba biểu tượng trên.

Câu 11. Trong các chữ cái dưới đây, những chữ cái nào có trục đối xứng?

A G H E F

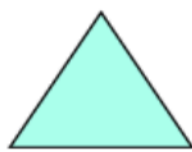
A. A, F

B. A, G

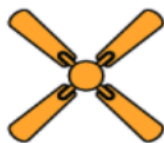
C. A, H, E

D. G, E

Câu 12. Cho hình vẽ sau:



Tam giác đều



Cánh quạt



Trái tim



Cánh diều

Có bao nhiêu hình có tâm đối xứng?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1 (1 điểm)

- Biểu diễn các số nguyên - 4; -3; -5; 2; 4; 5; 6 trên trục số.
- So sánh hai số nguyên - 89012 và - 98012

Câu 2: (1,75 điểm) Thực hiện phép tính (tính bằng cách hợp lý nếu có thể)

- $160 : \{17 + [3^2 \cdot 5 - (14 + 2^7 : 2^4)]\}$
- $-123 + 56 + 123 - 156$
- $-79.51 + 79.(-48) - 79$

Câu 3: (1,5 điểm)

- Viết các số nguyên là ước của (-15)
 - Tìm các số nguyên là bội của 6, lớn hơn -30 và nhỏ hơn 30.

2. Kết quả kinh doanh sau một năm (4 quý) của một cửa hàng như sau:

- Quý 1: lãi 56 triệu đồng.
 Quý 2: lỗ 8 triệu đồng.
 Quý 3: lỗ 15 triệu đồng.
 Quý 4: lãi 50 triệu đồng.

Hỏi sau một năm cửa hàng lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?

Câu 4: (2 điểm)

- Vẽ hình chữ nhật ABCD có chiều dài 6cm, chiều rộng 4cm. Xác định trục đối xứng và tâm đối xứng của hình chữ nhật ABCD đó.
- Một bức tường hình chữ nhật có chiều rộng 2m, chiều dài gấp 9 lần chiều rộng. Người ta sơn bức tường với giá 15000 đồng/ m^2 . Tính số tiền để sơn hết bức tường?

Câu 5: (0,75 điểm)

Cho $A = 1 + 2 + 2^2 + \dots + 2^{200}$ Viết $A + 1$ dưới dạng một lũy thừa.

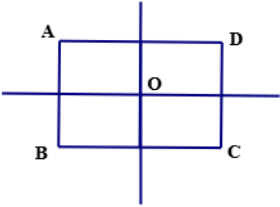
C. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM.

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	D	A	B	C	C	D	C	A	D	A	C	A

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1,0 điểm)	a) Biểu diễn đúng b) $-89012 > -98012$	0,5 0,5
Câu 2 (1,75 điểm)	a) $160 : \{17 + [3^2 \cdot 5 - (14 + 2^7 : 2^4)]\}$ $= 160 : \{17 + [9 \cdot 5 - (14 + 2^3)]\}$ $= 160 : \{17 + [45 - (14 + 8)]\}$ $= 160 : [17 + (45 - 22)]$ $= 160 : (17 + 23)$ $= 160 : 40$ $= 4$	0,25 0,25 0,25
	b) $-123 + 56 + 123 - 156$ $= (-123 + 123) + (56 - 156)$ $= 0 + (-100) = -100$ c) $-79 \cdot 51 + 79 \cdot (-48) - 79$ $= -79 \cdot 51 + (-79) \cdot 48 - 79$ $= -79 \cdot (51 + 48 + 1)$ $= -79 \cdot 100 = -7900$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 3 (1,5 điểm)	1.a) $U(-15) = \{-15; -5; -3; -1; 1; 3; 5; 15\}$ b) Các số nguyên là bội của 6, lớn hơn -30 và nhỏ hơn 30 là: -24; -18; -12; -6; 0; 6; 12; 18; 24.	0,5 0,5
	2.Theo đề bài ta có: Quý 1 cửa hàng có 56 triệu đồng. Quý 2 cửa hàng có -8 triệu đồng. Quý 3 cửa hàng có -15 triệu đồng. Quý 4 cửa hàng có 50 triệu đồng. Sau một năm, công ty có số tiền là: $56 + (-8) + (-15) + 50 = 83$ (triệu đồng) Vì $83 \text{ triệu đồng} > 0$ nên sau một năm cửa hàng có lãi 83 triệu đồng.	0,25 0,25
Câu 4 (2 điểm)	a) - Vẽ đúng hình chữ nhật ABCD - Trục đối xứng của hình chữ nhật là đường thẳng đi qua trung điểm của hai cạnh đối.	0,25 0,5

	 - Tâm đối xứng của hình chữ nhật là giao điểm O của 2 trục đối xứng.	0,5
	b) Chiều dài của bức tường là : $2 \cdot 9 = 18$ (m) Diện tích của bức tường là: $2 \cdot 18 = 36$ (m²) Số tiền để sơn hết bức tường là : $36 \cdot 15\,000 = 540\,000$ (đồng)	0,25 0,25 0,25
Câu 5 (0,75 điểm)	$A = 1 + 2 + 2^2 + \dots + 2^{200}$ $2A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{201}$ $2A - A = (2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{201}) - (1 + 2 + 2^2 + \dots + 2^{200})$ $\Rightarrow A = 2^{201} - 1$ $\Rightarrow A + 1 = 2^{201}$	0,25 0,25 0,25

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CM

PHÊ DUYỆT CỦA BGH